

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 12/7/2022  
V/v ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Hữu Trí;
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim Th, sinh năm 1997; (có mặt)  
Hộ khẩu thường trú: tổ 16, ấp Hòa Ph, thị trấn A, huyện Ch, tỉnh An Giang.  
Tạm trú: tổ 31, ấp H, xã Hòa Bình Th1, huyện Ch, tỉnh An Giang.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1994; (có mặt)  
Nơi cư trú: tổ 16, ấp Hòa Ph, thị trấn A, huyện Ch, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn chị Trần Thị Kim Th trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Việt H xây dựng hôn nhân trên cơ sở mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu ngày 17/5/2016. Sau khi đám cưới chị chung sống và làm dâu bên chồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì anh H thường xuyên ăn nhậu, không lo cho vợ con, ngoài ra còn có mối

quan hệ bất chính với người khác, không trung thực với vợ, mặt khác, chị bị anh H đánh nhiều lần. Chính vì vậy, ngày 23/12/2020 (âl) chị phải về nhà mẹ ruột sống cho đến tháng 02/2021 chị gửi đơn xin ly hôn, do đó, Tòa án giải quyết thì anh H năn nỉ hứa sửa lỗi nên chị rút lại đơn kiện, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành có Quyết định đình chỉ số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2021. Sau khi về sống chung lại một thời gian đến khoảng tháng 8/2021 thì anh H tính nào, tật nấy, ngoài ra còn tiếp tục có mối quan hệ bất chính với người khác, không lo làm ăn, bỏ mặc vợ con nên chị về gia đình mẹ ruột sinh sống đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và thời gian ly thân quá lâu không thể hòa giải đoàn tụ được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật Khanh, sinh ngày 25/01/2018, hiện con chung đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Toà án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Nguyễn Việt H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, cũng như tham gia phiên toà nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2022 anh Nguyễn Việt H trình bày lý do anh không tham gia hòa giải vì anh muốn vợ chồng có thời gian để đoàn tụ. Theo đó, anh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Th trình bày. Anh và chị Th từ khi cưới cả hai sống bên gia đình anh, nhưng vợ chồng đi làm có tiền thì được cha mẹ cho để riêng. Anh làm được tiền thì đều đưa cho chị Th cất giữ, anh rất lo cho vợ và con. Mỗi khi về nhà thấy anh có rượu thì chị Th không vui nên xảy ra cự cãi. Anh thừa nhận đi làm về thì có nhậu với bạn bè, nhưng về nhà vẫn lo cho vợ, vẫn có trách nhiệm với gia đình, không say xỉn bê tha. Còn việc chị Th nói anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác là không có. Trong thời gian khoảng tháng 12/2020, Th bỏ về nhà cha mẹ ruột, lúc đó vợ chồng sống ly thân, anh dự tiệc có chụp hình với bạn nữ thì Th cho rằng anh có người phụ nữ bên ngoài. Chị Th có gửi đơn xin ly hôn năm 2021, anh có năn nỉ hứa sửa đổi nên Th rút đơn. Trong cuộc sống vợ chồng có chuyện không vui thì Th đều khơi lại chuyện cũ để nói, anh có khuyên chuyện cũ đã qua đừng khơi lại thì Th không đồng ý. Từ khoảng tháng 11/2021 Th về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Chị Th yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, xin đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật Khanh, sinh ngày 25/01/2018, hiện con chung đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Khanh cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng phải cho anh được tới lui thăm con và rước con về bên nội chơi.

- Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất, không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Trần Thị Kim Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Nguyễn Việt H:

+ Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ.

+ Về con chung: Thống nhất có 01 con chung như đã trình bày. Về cấp dưỡng nuôi con mặc dù, chị Th không yêu cầu, nhưng anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Khanh là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng cho chị Th đại diện nhận.

+ Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: xét thấy chị Th và anh H sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh H xác định còn tình cảm với chị Th xin đoàn tụ, nhưng anh không thay đổi để tìm biện pháp hàn gắn tình cảm. Mặt khác, tại phiên tòa chị Th xác định không còn tình cảm và cương quyết xin ly hôn với anh H. Điều này chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Về con chung: Anh H và chị Th có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật Khanh, hiện cháu Khanh đang sống với chị Th. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu Khanh cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Khanh là 2.000.000 đồng/tháng, tiền cấp dưỡng do chị Th đại diện nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh H về cấp dưỡng nuôi cháu Khanh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: bị đơn anh Nguyễn Việt H hiện tại có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 16, ấp Hòa Phú I, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Châu Thành.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Việt H và yêu cầu nuôi con, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Kim Th thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo nguyên đơn chị Th trình bày thì chị và bị đơn anh Nguyễn Việt H xây dựng hôn nhân trên cơ sở mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Th thì nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên ăn nhậu, không lo cho vợ con, ngoài ra còn có mối quan hệ bất chính với người khác, không trung thực với vợ, chị bị anh H đánh nhiều lần. Chị đã tha thứ cho anh H một lần, bằng việc rút lại đơn xin ly hôn năm 2021, tuy nhiên sau đó anh H vẫn tính nào tạt đó, vẫn tiếp tục mối quan hệ bất chính với người khác, bỏ mặc vợ con.

Theo bị đơn anh H trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng là do chị Th thấy anh đi làm về có rượu nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi. Anh thừa nhận anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng đã được chị Th tha thứ nên trước yêu cầu ly hôn của chị Th anh không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Th và anh H đã có thời gian ly thân từ tháng 8/2021 đến nay, nhưng anh, chị vẫn không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Mặt khác, tại phiên tòa anh H xin đoàn tụ, nhưng từ khi ly thân đến nay anh vẫn không có giải pháp hàn gắn lại với chị Th, chị Th cương quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Tất cả điều này cho thấy hôn nhân của chị Th và anh H đã lâm và tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị Th thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật Khanh, sinh ngày 25/01/2018, hiện con chung đang sống với chị Th. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2022, thì anh H đồng ý giao cháu Khanh cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu Khanh đã sống ổn định với chị Th, do đó để đảm bảo cuộc sống của cháu được ổn định, không bị xáo trộn sau khi cha mẹ ly hôn nên căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao hai cháu Khanh cho chị Th tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Khanh là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Khanh đủ 18 tuổi, tiền cấp dưỡng do chị Th đại diện nhận. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh H, không trái với quy định

của pháp luật và đảm bảo quyền, lợi ích của cháu Khanh. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh H về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh H cùng thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002906 ngày 26/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim Th được ly hôn với anh Nguyễn Việt H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85 ngày 17/6/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật Khanh, sinh ngày 25/01/2018, hiện con chung đang sống với chị Th. Chị Trần Thị Kim Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Nhật Khanh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Việt H về việc cấp dưỡng nuôi cháu Khanh là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Khanh tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng do chị Th đại diện nhận.

Chị Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Nhật Khanh.

Nếu anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Th thì chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002906 ngày 26/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Anh Nguyễn Việt H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kim Th và anh Nguyễn Việt H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Kim Quyên**

..... (29  
)

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:**

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

- (1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).
- (6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.
- (7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.
- (9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ



ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LD” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phân tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất;

đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*